

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-01-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Ph và anh G.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Bà Trịnh Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trung Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 532/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-01-2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích Ph, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú tại số 47/45 phố G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; Tạm trú tại tổ 6, phường M, thành phố L, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Trần Huy G, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại số 47/45 phố G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Ph và anh G có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Bích Ph trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Huy G có thời gian tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 16-10-2013 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không chia sẻ khó khăn về kinh tế, bản thân anh G nợ nần nhiều lại không có chí làm ăn nên cuộc sống chung của vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn, do mâu thuẫn gay gắt nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 10-2018 đến nay. Bản thân chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Huy G.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Ph xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Kim N, sinh ngày 27-5-2015, hiện nay đang ở với chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh G có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động tự lập.

- Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Huy G trình bày:

- Về hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị Ph trình bày là đúng. Nay chị Ph xin ly hôn, tuy không mong muốn nhưng nếu chị Ph cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh G xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Kim N, sinh ngày 27-5-2015, hiện nay đang ở với chị Ph. Anh G có quan điểm: Nếu Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng thì anh không yêu cầu chị Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn nếu Tòa án giao con chung cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng thì anh chấp hành quyết định của Tòa án và sẽ có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 12 năm 2018, chính quyền địa phương nơi chị Ph và anh G cư trú đã cung cấp: Quá trình chung sống, chị Ph và anh G có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không chia sẻ với nhau khó khăn về kinh tế dẫn đến vợ chồng hay xảy ra lục đục, cãi vã. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị Ph đã không ở nhà

chồng từ mấy tháng nay. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Kim N, sinh ngày 27-5-2015 hiện đang ở với chị Ph. Nay chị Ph làm đơn đề nghị ly hôn với anh G và giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã tham gia tố tụng và được đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Bích Ph và anh Trần Huy G. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Phạm Thị Bích Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Kim N, sinh ngày 27-5-2015. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Huy G đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động tự lập. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Phạm Thị Bích Ph và anh Trần Huy G không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích Ph và anh Trần Huy G tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 16-10-2013 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên nảy sinh những bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không hòa hợp, khác biệt nhau về lối sống và tính cách. Mặc dù hai bên đã có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến trụ sở Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về hôn nhân, con chung tạo điều kiện cho hai bên khắc phục những mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng hai bên không hòa giải được và đều đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh G và chị Ph không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Ph và anh G ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và các bên không thỏa thuận được với nhau về nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử có

căn cứ xử lý hôn giữa chị Ph và anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, anh G có quan điểm nếu Tòa án giao con chung cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng thì anh chấp hành quyết định của Tòa án và sẽ có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Cháu N còn nhỏ hiện nay đang ở với chị Ph, đồng thời chị Ph chứng minh được có nơi ở rõ ràng, công việc ổn định và có thu nhập cao hơn so với anh G. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo được lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cho chị Phạm Thị Bích Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Kim N, sinh ngày 27-5-2015. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Huy G đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[3] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Phạm Thị Bích Ph và anh Trần Huy G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bích Ph là nguyên đơn nên phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Trần Huy G phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Bích Ph và anh Trần Huy G.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị Bích Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Kim N, sinh ngày 27-5-2015. Anh Trần Huy G đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng, từ tháng 02-2019 đến khi con chung đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động tự lập.

Chị Phạm Thị Bích Ph và anh Trần Huy G đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng phải tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó.

Bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bích Ph phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Ph đã nộp theo biên lai số 0000361 ngày 07 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Anh Trần Huy G phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Bích Ph và anh Trần Huy G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Phạm Thị Bích Ph và anh Trần Huy G có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi Cục THADS thành phố N;
- UBND phường V, thành phố N;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án;

Lương Việt Bằng